



MƯỜI CÁI CHẾT OAN KHIÊN CỦA VĂN NGHỆ SĨ MIỀN NAM

Phạm Văn Duyệt

Sau khi cưỡng chiếm Sài Gòn, tập đoàn cộng sản đã thực hiện chính sách phân biệt đối xử dã man tàn bạo với đồng bào miền Nam. Hậu quả là bao gia đình chịu cảnh tan nát đau thương, khổ lụy ngút ngàn.

Một trong những thành phần bị đày đọa thê thảm nhất là giới văn nghệ sĩ. Sách báo còn thiêu hủy đốt cháy huống gì là con người. Mấy ai mà tránh được sự trả thù ác hiểm của quân cướp nước.

Bài này xin điểm lại mười cái chết oan khiên của văn nghệ sĩ trong khoảng thập niên đầu sau 75 như nén hương lòng tưởng niệm những người vị quốc vong thân đã từng góp công sức xây dựng nền văn học nghệ thuật nhân bản cho nửa nước thân yêu.

1. Vũ Hoàng Chương (1916–1976)

Đỗ Tú Tài năm 1937. Học Luật và Toán dang dở. Xuất bản chừng 20 Thi Phẩm và Kịch Thơ. Di cư vào Sài Gòn 1954 hành nghề dạy học. Dự Hội Nghị Văn Chương Quốc Tế nhiều kỳ. Đoạt giải Văn Chương Toàn Quốc 2 lần. Chủ tịch Văn Bút Việt Nam.

Những năm dạy ở trường Chu Văn An rất được học trò mến mộ.

Trong Tập Truyện Chốn Cũ, Nhà Văn Song Thao kể lại:

Thầy đi quanh lớp bằng những bước chân nhẹ nhàng, đầu nghênh cao, mắt xa vắng, giảng bài bằng cái giọng nhừa nhựa thanh thanh. Có những lúc mắt Thầy như nhắm hẳn lại. Đầu lắc lắc từng chập. Giây phút ấy Thầy như thoát hồn bay về một trời Thơ nào đó. Thầy say Thơ. Thầy ngâm Thơ như một người đồng thiếp. Như không có Thầy. Như không có trò. Như không phải là một lớp học. Chỉ có một cõi Thơ lồng lộng bát ngát. Chúng tôi cũng thắm Thơ. Vô cùng nồng nàn là những dòng Thơ đất Việt. Chỉ có tiếng chuông báo hết giờ học mới có thể kéo thầy trò ra khỏi cơn mê văn chương.

Một cựu học sinh khác là Phạm Công Bạch cũng viết bài Tại Sao Vũ Hoàng Chương Bị Bắt Vào Tù Khám Lớn?

– Vì Thơ về mùa mai chế độ: Sau 30.4.75 nhiều thơ nhạc chế giễu chính quyền mới lan truyền khắp mọi nơi. Đặc biệt 2 câu mà lắm người cho rằng Vũ Hoàng Chương là tác giả:

Nam Kỳ Khởi Nghĩa tiêu Công Lý
Đông Khởi ra đời mất Tự Do.

– Chê thơ Tố Hữu: Theo bài đăng trên “net” của Sông Lô viết về nhận xét thơ Tố Hữu của Vũ Hoàng Chương.

Sau 1975, một phái đoàn văn nghệ sĩ từ Bắc vô Nam có mời Vũ Hoàng Chương tham dự trong đêm “Họp Mặt Văn Nghệ”. Đề tài đưa ra là hai câu thơ Tố Hữu khóc Stalin chết năm 1953:

Thương cha, thương mẹ, thương chồng
Thương mình thương một, thương ông thương mười

Cán bộ như Thanh Nghị, Huy Cận, Xuân Diệu, Vũ Đình Liên, Hoài Thanh đều tấm tắc ca ngợi. Riêng Vũ Hoàng Chương phát biểu: Tố Hữu đặt tiếng khóc của chính mình vào miệng bà mẹ Việt Nam, muốn bà dùng mối u hoài của một nhà thơ để dạy con trẻ yêu cụ Stalin thay cho mình. Chẳng sao vì đó cũng là kỹ thuật của thi ca. Nhưng trước hết phải biết rằng bà mẹ Việt Nam có cùng tâm cảnh với mình không, có chung mối cảm xúc hay không?

Tôi biết chắc là không. Bởi trong đoạn trên của bài “Đời đời nhớ ông”, Tố Hữu đã đặt vào lời bà mẹ hai câu:

Yêu biết mấy nghe con tập nói
Tiếng đầu lòng con gọi Stalin

Chắc chắn là không có bà mẹ Việt Nam nào, kể cả bà Tố Hữu mà thốt được những lời như vậy một cách chân thành. Cái không thực của hai câu này dẫn tới cái không thực của hai câu ta đang mổ xẻ.

Một tình tự không chân thực, dù được luồn vào những lời thơ xuất thần, khẩu chiếm đến đâu cũng không phải là thơ đẹp, thơ hay, mà chỉ là thơ khéo làm. Đó chỉ là thơ thợ chứ không phải là thơ tiên.

Loại thơ khéo này người thợ thơ nào lành nghề cũng quen làm, chẳng phải công phu lắm. Nhất là khi có đòi hỏi để tuyên truyền nào đó. Tố Hữu nếu khóc lấy, có lẽ là khóc thực, khóc một mình. Nhưng bà mẹ Việt Nam trong bài đã khóc tiếng khóc tuyên truyền, không mấy truyền cảm.

Theo Sông Lô, Vũ Hoàng Chương chính là người của tự do không phải quy lụy trước bất cứ áp lực nào. Nhà Thơ đã thể hiện khí khái tinh thần uy vũ bất năng khuất.

Nhà Văn Mai Thảo là bạn tri kỷ của Vũ Hoàng Chương. Qua bài “Mấy Tháng Cuối Cùng Với Vũ Hoàng Chương”, ông nêu thêm vài lý do khiến Vũ bị bắt.

– Sau 30.4.75 Vũ Hoàng Chương phải dời nhà về sống với vợ con Thi Sĩ Đinh Hùng (em vợ) ở căn gác chật hẹp mà Ông đặt tên là Gác Bút, Khánh Hội. Hỏi tại sao không dùng lại tên Gác Mây của căn lầu vùng Phú Nhuận vừa rời bỏ, thi sĩ cười, hóm hỉnh:

“Đổi đời, giờ là Gác Bút mới đúng vì Hà Nội nó bắt ta gác hết bút lên rồi, đâu còn cho viết nữa”.

Từ cộng sản chiếm miền Nam, hơn ba triệu người Saigon đều “nói” Vũ Hoàng Chương. Thấy nhau là “Lũ chúng ta lạc loài năm bảy đứa”. Gặp nhau là “Lũ chúng ta đầu thai làm thế kỷ”. Đó cũng là thêm một lý do gây tai họa cho Ông.

– Theo Mai Thảo, đám nhà thơ miền Bắc đặc biệt đố kỵ với Vũ Hoàng Chương chỉ vì trời thơ hai miền hào quang Ông át lấn mọi hào quang khác. Mặc cảm tự ti khiến họ ghen ghét Ông như Vì Sao Bắc Đẩu của thi ca miền Nam. Việc bắt giữ Ông cũng là hệ lụy tất yếu không sao tránh khỏi.

Đây là phần Mai Thảo viết theo lời kể của Bà Đinh Thục Oanh (Vợ Vũ Hoàng Chương):

9 giờ 30 sáng 13.4.76 Vũ Hoàng Chương bị cảm lạnh còn đắp chăn không ngời dậy được. 4 xe Jeep đầy nhóc áo vàng mang súng ống như chuẩn bị cho một cuộc hành quân lớn, ầm ầm vượt cầu Calmette phóng thẳng phường Cây Bàng và ngưng lại trước con hẻm nhỏ dẫn vào nhà Thi Sĩ. Bọn công an trên 20 đứa tới tấp nhảy xuống xe. Khoảng khắc vây kín Gác Bút. Chúng chạy rầm rập, trí súng, mai phục theo tư thế chiến đấu.

Nhà Thơ bị đánh thức trong giấc ngủ chập chờn. Ông gắng gượng ngời dậy, lấy áo gấm mặc vào, xếp bằng thật thẳng giữa chiếu, bất động chờ đợi như một pho tượng.

Bọn quỹ dữ ở lại lục soát trên hai tiếng đồng hồ. Ông không thèm nói với chúng lời nào. Chúng hỏi, Ông chẳng trả lời, chỉ thoáng nhún vai rồi ngời yên. Sau đó hai thằng lực lưỡng nhất hùng hổ tiến lại xốc nách Ông lôi lên xe đưa vào khám Chí Hòa giam cầm cùng một số trí thức khác kể cả Bác Sĩ Phan Huy Quát. Vì thương mến nể phục mà Cựu Thủ Tướng đã tận tình chăm sóc không chút nề hà và có lúc bưng bê cho thi sĩ.

Với thân hình gầy yếu sẵn có, lại thêm thiếu thốn mọi bề. Sức lực ngày càng kiệt quệ. Việt Cộng biết Ông không sống được bao lâu đành thả về để tránh tiếng bức tử trong tù. Vài hôm sau thì Ông mất với tâm thái an nhiên tự tại, chẳng ân hận tiếc nuối điều gì.

Phải chăng Thi Bá đã chuẩn bị cho cuộc ra đi cuối cùng qua bài thơ Thôi Hết Bản Khoăn:

Dấu hỏi vây quanh trọn kiếp người
Sên bò nát óc máu thắm rơi
Chiều nay một dấu than buông dứt
Đình đóng vào sãng, tiếng trả lời!

2. Nguyễn Mạnh Côn (1920–1979)

Viết báo Đông Pháp từ năm 1939. Đến 1951 dạy học tư. Chủ bút báo Chỉ Đạo từ 1956–1961. Đã xuất bản 13 tác phẩm. Có biệt tài viết truyện khoa học giả tưởng.

Theo Nhà Thơ Viên Linh, sách Nguyễn Mạnh Côn đều phơi bày những kiếp nhân sinh vắng bộ mặt người trong các xã hội cộng sản.

Nhà Văn Mai Thảo cho rằng Đem Tâm Tình Viết Lịch Sử và Hòa Bình, Nghĩ Gì, Làm Gì? là hai tác phẩm chủ yếu của văn học quốc gia Việt Nam từ 1954 đến 1975 và là niềm vinh dự chung của văn học miền Nam.

Nhiều tướng lĩnh rất khâm phục luận thuyết và viễn kiến của Ông.

Sau 75, tên Ông đứng đầu danh sách 45 người nổi tiếng Việt cộng bắt đi tù trong năm 1976.

Để hiểu rõ cuộc đời, tài năng, khí phách của Nguyễn Mạnh Côn, chúng ta hãy nghiên ngẫm tư liệu quý giá của Nhà Văn Vương Trùng Dương: “Nguyễn Mạnh Côn, Nhà Văn Can Đảm Chọn Cái Chết Trong Tù”: bài tổng hợp ý của bạn văn, bạn tù của Nguyễn Mạnh Côn.

– Theo Tù Nhân Đặng Hà, bị giam cùng buồng với Nguyễn Mạnh Côn: Sáng 2.4.79 trước cả ngàn tù nhân và cán bộ, Anh Côn đứng lên đồng dục tuyên bố: “Tôi, Nguyễn Mạnh Côn, Nhà Văn chế độ cũ. Chính phủ nói bắt tôi đi học tập 3 năm. Hôm nay đúng hạn đó, tôi yêu cầu chính phủ trả tự do để tôi về với gia đình. Kể từ hôm nay tôi không còn là người tù. Tôi sẽ không ăn cơm của trại nữa”. Anh vừa nói xong, toàn trại im phăng phắc. Sau đó Việt cộng căm thù nhốt riêng, bỏ đói bỏ khát, không cho ăn uống đến nỗi thời gian sau có lúc Anh kêu la “khát quá! khát quá!” rồi kiệt sức mà chết tháng 6.79.

– Ghi nhận của Nhà Báo Ngô Nhân Dụng: Nhà Văn Nguyễn Mạnh Côn có trí thông minh rất đặc biệt. Tuy sinh vào thời chiến tranh, không hưởng được nền học vấn có tính cách chính thức trên ghế nhà trường. Nhưng trí thông minh của Anh rất bén nhọn. Anh quan tâm tất cả mọi vấn đề trong phạm vi trí thức của nhân loại.

– Nhà Văn Nguyễn Triệu Nam: Nguyễn Mạnh Côn là văn sĩ có chân tài. Kiến thức phong phú, bút pháp tinh thông. Văn phong bình dị, trong sáng. Văn mạch sung mãn bất tận. Văn thái chuyển biến linh hoạt theo từng tình huống. Khi cần thì viết như nhà thông thái hoặc nhà phân tâm học.

– Nhà Thơ Viên Linh: Năm 1940 Nguyễn Mạnh Côn vượt biên tới Hương Cảng để hoạt động trong Việt Nam Quốc Dân Đảng. Đến 1945 bắt đầu tác phẩm Đem Tâm Tình Viết Lịch Sử, có thể kể như là giai đoạn hoạt động thực sự ngoài đời của Anh.

Năm 1952 về Hà Nội rồi ra Hải Phòng dạy học cho đến 1955 thì vào Nam. 1957 đoạt giải thưởng Văn Chương Toàn Quốc và 1975 được mời vào Hội Đồng Giám Khảo giải này.

– Nhà Văn Thế Uyên: Nguyễn Mạnh Côn không lập danh bằng đường võ, có lẽ một phần do thể xác yếu ớt mặc dù đã có thời anh thử bằng cách nhận chức Trung Úy đồng hóa nhưng không dẫn tới đâu cả. Anh cũng không thành công trong khoa cử nhưng lại thành công trong văn chương và tư duy với lối viết nhiều sáng tạo, đi vào “vùng cấm địa” của Cụ Nguyễn Đình Chiểu, thế giới siêu nhiên của khoa học giả tưởng và cả địa hạt chính trị có thị kiến viễn kiến với cuốn sách khá dày Hòa Bình, Nghĩ Gì, Làm Gì?

Anh là thứ cá côn, vùng vẫy thoải mái một thời trong thế giới chữ nghĩa.

– Họa Sĩ Tạ Ty: Một buổi tối, Nguyễn Mạnh Côn tới tìm tôi tại văn phòng làm việc đường Hồng Thập Tự, Thị Nghè. Anh cho biết được đồng hóa cấp Trung Úy để phụ trách tờ báo do Bộ Quốc Phòng chủ trương và nhờ tôi trình bày trang bìa.

Là báo của Bộ Quốc Phòng nên tôi vui lòng vẽ giúp mẫu bìa, nhưng Nguyễn Mạnh Côn cũng tế nhị nói với cấp chỉ huy trả tiền cho tôi, vì báo có ngân khoản riêng để mua bài của các nhà văn.

Nhờ tờ báo này mà Nguyễn Mạnh Côn có cơ hội chứng minh tài năng. Truyện Ba Người Lính Nhảy Dù Lâm Nạn của Anh được đón nhận nồng nhiệt. Anh dùng thuyết tương đối trong toán học của Einstein để giải minh cho một phương trình vận tốc trở ngược của thời gian. Câu chuyện vừa ly kỳ vừa khoa học làm say mê người đọc.

– Nhà Văn Tuấn Huy: Năm 1960 Nguyễn Mạnh Côn làm chủ bút tờ Chỉ Đạo đã ca ngợi văn tài của Duyên Anh khi đăng các bài viết Hoa Thiên Lý, Con Sáo Của Em Tôi... nói về tuổi thơ rất hay. Tên tuổi Duyên Anh được sáng giá trong giới cầm bút Saigon, điều này nói lên tình bạn giữa hai người (tuy nhiên nhân cách sống của họ không giống nhau, một người hay khoác lác, một người điềm đạm, lịch sự, tế nhị).

Tuấn Huy phác họa chân dung Nguyễn Mạnh Côn là Nhà Văn Lặng Lẽ: “Suốt 20 năm cầm bút, Nguyễn Mạnh Côn cứ từ tốn nhàn nhã như một người đi dạo giữa đường đời. Ông đã nêu lên nhiều vấn đề thật lớn khiến người đọc phải suy tư – nhưng kìa, Ông chẳng có vẻ gì quan trọng và vội vàng. Được nhìn Ông ôm mớ sách báo, đi một mình vào nhà hàng để dùng bữa tối. Ông ngồi xuống chiếc ghế nơi chỗ bàn khuất. Gọi món ăn bình dân và ly rượu chát. Rồi mở cuốn sách ra lặng lẽ đọc.

Tôi không hề thấy ở Ông sự hoạt động não nức nào của một “chính trị gia” và một “nhà lập thuyết”. Ông vẫn là một Nhà Văn lặng lẽ. Làm việc lặng lẽ. Suy tư lặng lẽ. Sáng tác lặng lẽ. Và hưởng thụ cũng lặng lẽ...

Lúc nào Ông cũng trầm ngâm. Ít khi tôi thấy Ông vui hoặc Ông cười. Nếu có cười thì cũng chỉ là những nụ cười giới hạn.

Tôi rất quý Nguyễn Mạnh Côn qua những tác phẩm của Ông nói lên giai đoạn lịch sử trong làn ranh Quốc/Cộng”. (Tuấn Huy, Khởi Hành số 20, tháng 6.1998).

– Tù Nhân Phạm Long với bài “Cặp Kính Của Bác Côn” đăng trong Khởi Hành số 20 đã dẫn:

Tôi bị di chuyển đến trại Xuyên Mộc tháng 9.79, có nghe anh em sĩ quan kể chuyện Nguyễn Mạnh Côn đòi trả tự do. Sau đó bị cô lập, đem ra đấu tố hạ nhục và cuối cùng chết một cách tức tưởi.

Vào buổi sáng Chủ Nhật không đi lao động, có cậu nhỏ tù hình sự tìm tới rồi từ từ mở gói giấy báo nhỏ, lôi ra cặp kính với chiếc gọng nhựa màu nâu. Anh chàng nói với giọng nghiêm trọng: “Kiếng của Ông Côn đấy. Hôm em đi chôn Ông bằng xe “cải tiến”. Em thấy ở trong hòm cặp kiếng này. Em cất giữ làm kỷ niệm. Nhưng mấy bữa nay đói quá, mấy anh đổi cho em 3 lon gạo”.

Tôi nghe kính của Ông Côn thì lòng chùng xuống. Đúng rồi. Đây là cặp kiếng của Bác Côn. Anh Nguyễn Quang Trù rất nhanh nhẹn, trả giá:

– Một lon rượu thôi!

Cậu nhỏ gật đầu, chịu liền...”.

3. Chu Tử (1917–1975)

Tác giả Hồ Xưa, một học trò cũ viết bài “Nhớ Thầy Chu Văn Bình, Hiệu Trưởng Trường Trung Học Lê Văn Trung” (webhoidonghuongtayninh) trong đó có sơ lược tiểu sử Chu Tử qua lời tự thuật của Thầy:

Mới 13 tuổi đã gia nhập Việt Nam Quốc Dân Đảng, theo Phó Đảng Trưởng Nguyễn Khắc Nhu đi hạ đồn Hưng Hóa nhưng thất bại rồi mất liên lạc với Đảng.

Cuối thập niên 1930 trở thành một trong vài người hiếm hoi của Sơn Tây đậu Cử Nhân Luật.

Thời thanh niên mở trường tư học trò rất đông nhưng tấm lòng Ông không chịu an phận.

1954 vào Nam làm Hiệu Trưởng Trung Học ở Tây Ninh. Sau về Saigon lập báo Sống. 1966 vì bất đồng chính kiến, tòa báo bị Lực Lượng Tranh Thủ Cách Mạng của Nhóm Phật Giáo cực đoan tấn công (vanviet.info). Cũng năm này Ông bị viết cộng bản võ quai hàm ngay trước cổng nhà. Cùng ngày, Thượng Tọa Thích Thiện Minh, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Thanh Niên Phật Giáo bị đặt mìn dưới xe ô tô nhưng may mắn thương tích không trầm trọng.

Chu Tử còn bị trúng đạn ở tay khiến Ông khó khăn trong việc cầm bút. Viết trở nên chậm chạp, tay run, mỗi hàng được chừng 3 chữ. Qua tai nạn này có người bạn gởi Ông hai câu đối:

Thượng Tọa bẻ bàn tọa
Chu Bình sút miệng bình

– Nhà Báo Trùng Dương nhận xét: Năm 1971 Nhật báo Sống Thân ra đời với chủ trương chống tham nhũng trong chính quyền và quân đội, hỗ trợ cho cuộc chiến đấu chống cộng, bảo vệ phần đất tự do. Cũng là tờ báo duy nhất mà tài chánh do các cổ đông thuộc mọi tầng lớp quan tâm tới vận mệnh đất nước đóng góp.

Giữa thập niên 1960 tình hình miền Nam khá đen tối: quân đội tranh nhau đảo chính, tranh chấp ảnh hưởng của các phe nhóm tôn giáo (đặc biệt là Phật Giáo) và đảng phái chính trị, viết cộng thừa nước đục thả câu, gia tăng đánh phá, ám sát. Do thẳng thắn bộc trực, Chu Tử với bút danh Kha Trấn Ác – đã “lừa” các nhân vật tai mắt không phân biệt đảng phái, ý thức hệ, tôn giáo, giai cấp mà Ông cho là bất xứng hay đạo đức giả vào mục “Ao Thá Vịt” được rất nhiều người đọc dù họ không biết có bao nhiêu sự thật trong đó. Tôi vừa phục vừa hãi cho người coi Ao vì đã làm một việc quá can đảm trong môi trường hết sức nhố nhăng đầy súng đạn, thuốc nổ và đầu óc cực đoan, cùng đám viết cộng nằm vùng đang chực chờ phá hoại.

Bên cạnh giới hâm mộ, cũng lắm người thù ghét. Có thể liệt Chu Tử vào số ít thuộc lãnh vực văn chương báo chí trong ngoài nước mà nhiều người biết đến.

Dẫu sao, Chu Tử là Nhà Văn, Nhà Báo thành công vượt bực. Yêu, Sống, Ghen, Tiền, Loạn là những tiểu thuyết bán chạy trên thị trường. Khi làm báo Ông cũng được ca ngợi là chủ báo hòa đồng, thân thiện với người làm báo, trả tiền hào sảng cho ký giả, phóng viên.

– Nhà Văn Hoàng Hải Thủy nói rằng trong 20 năm làm báo chưa gặp chủ báo nào rộng rãi như Chu Tử từng hỏi ông muốn lấy bao nhiêu tiền cho bài viết và vui vẻ chi trả ngay khi được yêu cầu.

– Trong Tổng Quan Văn Học Miền Nam, Nhà Văn Võ Phiến nhận xét đầy sắc bén: “Chu Tử viết truyện được nhiều người khoái, mà làm báo cũng khiến nhiều người khoái quá trời, bất luận là cao hay thấp, người ta khoái ông, khoái cái phong cách ông trong cuộc sống cũng như trong văn chương”.

“Tiểu thuyết ông có những nhân vật hoặc ngang tàng, bướng bỉnh, hoặc hào sảng, khí phách, hoặc nhiều khi kỳ cục”.

Qua báo chí, với lối viết đơn giản bộc trực nên nhiều chuyện và nhân vật thả vào “Ao Thả Vịt” nghe như thật một trăm phần trăm ấy, độc giả khoái tị, đem ra bàn tán. Sinh chuyện thù oán, bất bình. Ân oán giang hồ cũng từ đây.

Kết quả là tòa soạn bị đốt phá, còn Ông thì bị bắn trọng thương. Chưa đầy một tuần, lần đầu tiên làng báo miền Nam đồng loạt nghỉ ra báo một ngày để “tỏ tình đoàn kết” trong việc tranh đấu chống đàn áp và kềm chế báo chí”.

“Chu Tử tựa hồ như viên tướng giữa trận tiền, tả xung hữu đột, đánh Đông dẹp Tây, ủng hộ “cánh” này, húc đổ phe kia, gây nên sóng gió. Có khi phải chịu trả giá đắt cho sự xông pha ấy.

Chu Tử bắt tay viết cuối thời Đệ Nhứt Cộng Hòa. Ông đến với độc giả như một khuôn mặt mới mẻ trẻ trung, đột ngột, xông xáo. Trong lớp trẻ sau này có biết bao nhiêu người – cả đọc lẫn viết – mê ông, theo ông. Truyện ông thành công, báo ông thành công. Lối viết của ông có ảnh hưởng rộng rãi. Sau ông lắm kẻ cũng trở tài đập phá, ngổ ngáo, chịu chơi... nhưng chưa ai qua mặt được ông. Vì ông không phải chỉ chịu chơi trên trang giấy bằng ngòi bút, mà bằng cả cuộc đời. Ông sống như ông viết: làm tiền ào ạt, vung tiền cũng dữ dằn, ăn chơi cờ bạc hưởng lạc đến nơi đến chốn, không ngại lao mình vào những hoạt động táo tợn, đụng độ với những nhân vật thế lực, nhiều lần trong đời ông đã đối đầu với súng đạn và sau rốt kết liễu cuộc đời bằng súng đạn”.

Về cái chết của Chu Tử, Hồ Xưa ghi lại ý của ba nhà thơ:

– Viên Linh: định mệnh nào tai ác đã thù hằn theo đuổi để hại cho bằng được con người khốn khổ tài hoa. Trong quăng giờ khắc điêu linh bất hạnh ấy của quê hương, và bằng cung cách gớm ghê thảm khốc dành cho một hình hài yếu đuối như Chu Tử vào trưa ngày 30.4.75 – khi Ông buồn bã đứng dựa thành tàu, nhìn Saigon lần cuối...

Viên đạn oan khiên nghiệp chướng đã kết thúc đời Ông. Tôi như nhìn thấy Ông nằm ngay trước mặt, đau đớn, quần quai trong vũng máu, kêu rên và gọi tên đứa con gái thương yêu Chu Vị Thủy đã phải cùng mẹ, em và chồng con ở lại...

Chu Sơn, con trai Chu Tử kể lại với Viên Linh: thi hài Ông được bó vải và thả xuống Thái Bình Dương vào hôm sau. Ông là thuyền nhân đầu tiên chịu thủy táng.

– Nhất Tuấn: có tiếng pháo kích từ bên bờ sông mé phải bắn qua. Đạn đại bác của xe tăng hay đạn B40, B41 quái quỷ gì đó... rơi lồm bồm trên sông. Một viên đạn bay qua đầu chúng tôi, rơi trúng vào chiếc tàu to lớn – tàu Việt Nam Thương Tín chở hàng hóa và hành khách dân sự – đang vùn vụt chạy rất nhanh ở phía trái. Khói bốc lên nghi ngút trong chốc lát. Sau mới biết chính quả đạn này đã sát hại Nhà Văn Chu Tử...

– Du Tử Lê: trong sinh hoạt văn học nghệ thuật miền Nam, 20 năm, nhiều người biết tác giả tiểu thuyết “Yêu” là Nhà Văn Chu Tử. Nhưng số lượng người biết Nhà Báo Chu Tử còn nhiều hơn gấp bội. Lý do là giai đoạn ông làm chủ nhiệm nhật báo Sống, ông đã không ngừng thổi luồng sinh khí mới cho nền báo chí miền Nam thời đó vốn hiền lành, ngại đương đầu với chính quyền hoặc những nhân vật có quyền thế về tôn giáo, chính trị cũng như những tệ nạn xã hội...

Chu Tử sống mang không biết bao nhiêu những ngộ nhận và ân oán. Một người có văn tài và khí phách, sống giữa đám đông mà lúc nào cũng cô đơn thê thảm, cũng muốn bùng phá nổi loạn vì cái đốn hèn khiếp nhục ở chung quanh...

Tôi nghĩ, thôi thì Chu Tử chết trăm hà như thế là yên phận.

4. Hồ Hữu Tường (1910–1980)

1926 qua Pháp du học, trình luận án Cao Học Toán. Ở Paris, ông kết bạn và tham gia hoạt động chính trị với những nhà ái quốc lưu vong: Nguyễn Thế Truyền, Nguyễn An Ninh, Tạ Thu Thâu, Phan Văn Hùm, Hồ Văn Ngà, Phan Văn Trường...

Ông theo xu hướng Trotsky chỉ trích hoạt động của đảng cộng sản Đông Dương, công kích chủ nghĩa Stalin, cổ xúy đường lối của Đệ Tứ Quốc Tế. Nhưng đến 1939 thì lại tuyên bố từ bỏ cả Mác lẫn Đệ Tứ.

Theo Bà Phan Thị Trọng Tuyền trả lời phỏng vấn của Đài RFA thì trong các văn kiện lịch sử đảng cộng sản Việt Nam, người ta thấy nhắc đến những người Tờ Rốt Kít khoảng trước và sau 1945, xem như bọn phản cách mạng chống lại họ. Đây là phong trào do Leon Trotsky thành lập tại Liên Xô năm 1924, đối lập với cộng sản Đệ Tam của Stalin.

“Trotsky chủ trương cách mạng chống chủ nghĩa tư bản phải được thực hiện đồng loạt khắp nơi trên thế giới. Trong khi Đệ Tam lại muốn đi từng bước, đầu tiên là Liên Xô rồi sau đó sẽ lãnh đạo cách mạng thế giới.

Bà Tuyền cho rằng chủ trương của Đệ Tứ mang tính dân chủ hơn: “về mặt lý thuyết thì Stalin chủ trương tập trung dân chủ, tức là một đảng nắm hết mọi quyền. Những đảng phái hay khuynh hướng khác phải phục tùng. Còn theo Trotsky thì tuy tập trung nhưng không để một đảng nắm hết.

Về sau Đệ Tứ bị Đệ Tam tiêu diệt. Trotsky trốn tránh truy lùng phải lưu vong và cuối cùng bị ám sát chết ở Mexico năm 1940.

Bà Tuyền nói: những người Đệ Tứ bị những người Đệ Tam lùng giết sau cách mạng tháng 8 là chuyện có thật. Stalin đã truy nã Trotsky thì Việt Minh cũng không làm gì khác hơn là áp dụng đường lối đó.

Theo Bà Tuyền, đảng cộng sản chưa bao giờ nhìn nhận họ ra tay sát hại phe Đệ Tứ như Tạ Thu Thâu. Bà cho biết có khoảng 400 người Đệ Tứ mất tích hoặc bị giết hại trong giai đoạn 1945 khi họ tham gia kháng chiến chống Pháp.

Năm 1953, Hồ Hữu Tường đề nghị cộng sản để Việt Nam trung lập nhưng không được chấp nhận.

1957 Ông bị đày ra Côn Đảo do Cố Vấn Mặt Trận Thống Nhất Toàn Lực Quốc Gia chống Tổng Thống Diệm.

Đến năm 1967, đắc cử Dân Biểu Đệ Nhị Cộng Hòa. Thời gian này Ông còn viết báo.

Năm 1978 lại kiến nghị cộng sản trung lập hóa Việt Nam nên Ông bị bắt. Ngày 26.6.80 trở bệnh nặng được cho về nhà và mất ngay hôm đó.

Cả đời Ông viết hơn 1000 bài báo Việt Ngữ hoặc Pháp Văn, chừng 300 sách truyện đủ loại.

Trong Hồi Ký 41 Năm Làm Báo, Ông tự khắc họa về mình: “Nào là nhà cách mạng, nào là nhà nghệ sĩ, nào là nhà khoa học, nào là nhà văn, nào là kẻ đam mê tình ái, nào là tâm hồn tu sĩ, nào là nhà báo”.

– Nhà Văn Thụy Khuê tóm lược về Ông như sau:

*Bị tù nhiều lần dưới tất cả các chính quyền thực dân, quốc gia lẫn cộng sản. Chống chiến tranh và biện hộ cho một nước Việt trung lập hóa.

*Con đường ông đi không có nhiều đồng hành, bởi tiếng kêu gọi của ông chỉ là những tiếng kêu trong sa mạc, không ai nghe mà cũng ít người hiểu.

*Ham mê sách. 6 tuổi đã đọc Nam Phong. Đọc đâu nhớ đó. Cha đặt cho cái tên thằng Thuộc vì đọc gì cũng thuộc.

*Có dòng dõi Hồ Quý Ly và Hồ Thơm Nguyễn Huệ.

– Nguyễn Thị Thanh Xuân trong bài “Hồ Hữu Tường, Như Tôi Nhìn Thấy”:

“Cuộc đời Hồ Hữu Tường hiện lên một con người vượt thoát hoàn cảnh, có lòng say mê với chữ nghĩa, một nghị lực khác thường, một trí tuệ năng động, một sự lạc quan và tự tin hiếm thấy”.

Qua bài: “Khái Hưng, người thứ nhất muốn làm nguyên soái của “văn chương sáng giá”, Hồ Hữu Tường kể lại: Khái Hưng rủ tôi cộng tác viết tiểu thuyết. Cốt truyện, triết lý do tôi xây dựng, Khái Hưng lãnh phần trình bày cho có nghệ thuật. Tôi đã nảy sinh vài nhân vật, phác thảo cốt truyện, đặt tên là Gái Nước Nam Làm Gì? Sau về Nam, để tưởng nhớ Khái Hưng, tôi thử viết tả ra những hình tượng ấy và trình bày được hai người Thu Hương và Chị Tập. Nhưng sự ướm thử này cho thấy là tôi không có tài viết tiểu thuyết nên không nối tiếp nữa.

– Nhà Văn Trần Bảo Định thì nhận định: Hồ Tiên Sinh là người hiền đất Nam Bộ. Ông mãi loay hoay vì canh cánh thế sự, vì thấy thế cuộc đảo điên theo vận nước đầy vơi dưới thời thực dân Pháp cai trị và bản thân ông cũng vùn xoay... vùn xoay liên hồi. Hồ Tiên Sinh hẳn đã sống trọn vẹn một đời “phi lạc”. Dầu vậy, ông từng trải qua một cuộc đời bộn bề vận hội mà chắc hẳn không có gì hối tiếc, bởi ông đã “chơi tới bến” – sống hết mình với những thăng trầm gặp phải trên đường đời.

Trong Phi Lạc Sang Tàu, Ông viết: Nền văn minh trực lợi của Âu Tây là cái văn minh chỉ lo vơ vét cho lợi được nhiều, chẳng biết điều nhân, chẳng nghĩ đến đức, không chút đoái hoài việc tu dưỡng loài người ngày càng cao quý về vật chất lẫn tinh thần, mà chỉ

lo chèn ép bóc lột sao cho có lợi nhiều. Văn minh ấy bủa lưới khắp địa cầu, không đâu thoát được. Vì vậy mà sự trúc đổ của nó sẽ làm cả nhân loại bị trúc đổ.

5. Phạm Văn Sơn (1915–1978)

Biên khảo nhiều sách sử, trong đó công phu nhất là Việt Sử Tân Biên.

Đại Tá Sơn ra đi để lại tiếc thương cho nhiều đồng đội.

Đây là lời kể lại của một số nhân chứng về sự cố “nhịn đói chịu đau mà chết” của Ông, như anh hùng Nguyễn Tri Phương thuở nào.

– Nguyễn Văn Dưỡng (Cái Chết của Sử Gia Phạm Văn Sơn, <https://vietmessenger.com>):

Từng là thuộc cấp của Ông. Tôi biết Đại Tá Sơn rất thận trọng, không hề khinh suất trong nhiệm vụ. Ông thường nói: “Phải cố gắng làm sao cho mức độ trung thực và chính xác cao chừng nào tốt chừng đó, như vậy thì những điều mình viết về sử mới có giá trị”.

Giữ quan điểm cẩn trọng như vậy nên Mùa Hè Đỏ Lửa lúc mà chiến trường An Lộc còn đang sôi động với những trận đánh đối tuyến chỉ cách nhau có một con đường, giành nhau từng góc phố – giữa các đơn vị ta và địch. Khi mà những cơn pháo dữ dội của đối phương chưa giảm, khi không một trực thăng nào đáp xuống mà không sợ tan xác. Thế mà Ông đã đích thân bay vào An Lộc để viết sự thật về cuộc chiến khốc liệt đó...

Năm 1980 Ông Dưỡng bất ngờ gặp Thầy cũ ở trại Tân Lập lúc Thầy chỉ còn là cái bóng âm thầm, một cái xác sấp mướt nát, bất động, cầm nín sau chấn song sắt, bên trong cửa sổ phòng “cách ly”.

Ông trùm kín đầu bằng khăn lông trắng đã trở vàng, cẩu bẩn và lấm tẩm những vệt máu, mủ. Khăn quấn kín cổ, chỉ chừa mắt, mũi, miệng để che bớt đi vết lở lói trên mặt bởi chứng bệnh nan y.

Mũi má Ông đỏ ửng bóng, lông mi rụng hết. Hai bàn tay sưng tấy, ngón co lại, móng khuyết hay mất hết. Ông bị tàn phế cấp độ nặng.

Một buổi sáng, quản giáo ra lệnh cho Ông đem giỏ ra sân mang than đá vào bếp. Do kiệt sức, Ông học máu tươi, ngất xỉu, bất tỉnh rồi ngã quy. Cả người nhầy nhựa máu me và trút hơi thở cuối cùng.

– Trường Xuân Phú Tử Hồ Quang (Hồi Ký về Đại Tá Sử Gia Phạm Văn Sơn <https://huongduongtxd.com>):

Trong thời gian bị giam giữ, Đại Tá Sơn đã can đảm viết đơn gửi đảng và Nhà Nước nhờ trại chuyển với lời lẽ: xin các Ông hãy xem xét lại cách đối xử với chúng tôi. Những hình thức dã man như vừa qua hoàn toàn không có lợi mà ngược lại rồi đây trong lịch sử sẽ ghi thêm vào đấy vết ô nhục ngàn đời (dựa theo ý của tên Nhàn, trưởng ban thi đua trại).

Đại Tá Sơn tuyệt thực trong nhà kỷ luật, chấp nhận chết vì muốn đòi quyền lợi cho các tù nhân chính trị khác được hưởng theo quy chế tù binh. Tuy ước vọng không thành nhưng cũng giúp anh em còn sống được dễ thở hơn.

– Huỳnh Hữu Ủy (Vài Điều Tản Mạn Nhân Đọc Bài Viết “Cái Chết của Sĩ Gia Phạm Văn Sơn, <https://dongsongcu.wordpress.com>):

Từng bay vào chiến trường An Lộc cùng Đại Tá Sơn giữa lúc đạn pháo địch nổ âm ì tưởng chừng trực thăng bị bốc cháy.

Theo Anh Ủy, ở Khối Quân Sĩ, các sĩ quan trẻ hầu hết là vừa xong Đại Học, đi lính vì đất nước đang thời chiến loạn. Với loại thuộc cấp này, Ông chẳng bao giờ tỏ ra là người chỉ huy, chẳng có chút nào lộ chất quân phiệt, không áp dụng kỷ luật nhà binh mà ngược lại rất nho nhã, thường hành xử như một nhà văn với đồng nghiệp cũng là những người cầm bút.

– Giáo Sư Nguyễn Đăng Thục cho rằng Phạm Văn Sơn có sử quan rất tiến bộ, vượt hẳn quan điểm duy vật lịch sử không tưởng của các sử gia Mác xít lấy đấu tranh giai cấp làm xương sống để giải thích mọi tiến trình lịch sử.

– Bác Sĩ Phạm Hữu Phước (trích dòng sông cũ: “Hậu Củ Khoai Yên Bái – Hồi Ký về Cái Chết của Đại Tá Phạm Văn Sơn”):

Cũng bị tù Yên Bái. Từng khám bệnh cho Đại Tá. Bác Sĩ Phước kể lại “thời còn học Trung Học Tăng Bạc Hồ, Bồng Sơn, đã được đọc “Việt Nam Tranh Đấu Sĩ” của Phạm Văn Sơn mà xúc động khôn cùng. Tôi kính trọng, thương cảm, ngả nón bái phục tiền nhân của tôi đã hy sinh cả cuộc đời và sự yên ấm gia đình chỉ vì lòng yêu nước vô bờ. Ông viết sử mà lời văn trong sáng, đanh thép, hùng hực lửa như tấm lòng của tiền nhân. Có đoạn tôi không cầm được nước mắt.

Ông bị bệnh vẩy nến (psoriasis) khá nặng, da sần sùi nên nhiều người tưởng lầm Ông bị bệnh cùi.

Có những buổi tối lạnh lẽo, trạm xá đốt lửa sưởi ấm và chuyện vãn. Chúng tôi thường mời Đại Tá quay quàn để nghe Ông kể chuyện xưa đầy lưu loát, mạch lạc. Ông là cả kho kiến thức mênh mông về sử.

“Đại Tá Sơn đã sống đúng mẫu mực của một quân nhân với châm ngôn: Tổ Quốc – Danh Dự – Trách Nhiệm.

Trước cường quyền độc ác, Ông không khiếp sợ van xin, ngẩng cao đầu mà nói với cộng sản “các ông làm như thế là lưu danh xú uế lại cho muôn đời sau”.

Với Ông, “anh hùng tử, khí hùng bất tử”.

6. Hồ Điệp (1930–1988)

Di cư vào Nam 1954.

Tên thật là Nguyễn Thị Tý. Thi Sĩ Đinh Hùng phát hiện tài năng ngâm thơ thiên phú nên đặt cho Bà nghệ danh Hồ Điệp.

Báo Nghệ Sĩ đã giải thích cái tên được hàng triệu người yêu mến qua bài “Xót xa thay cho giọng ngâm Hồ Điệp – Tài năng nhưng cuộc đời lại quá đau thương” (<https://thoixua.vn>, 21.7.2021): Hồ Điệp nghĩa là Cánh Bướm, ý rằng giọng ca của Bà nhẹ nhàng, mỏng manh, mang lại đầy màu sắc như những cánh bướm.

Hồ Điệp thường ngâm thơ trên chương trình Thi Văn Tao Đàn (Tiếng Nói Thi Văn Miền Tự Do). Được đánh giá là giọng ngâm nổi bật nhất thời đó.

Gần mười giờ đêm cảnh vật xung quanh yên tĩnh, lắng nghe Hồ Điệp với giọng trầm buồn phảng phất nét liêu trai tưởng chừng ru ta vào cõi mộng.

Ngót 60 năm rồi nhiều người vẫn còn nghe thoang thoảng đâu đây giọng ngâm có một không hai của người con gái Sơn Tây qua bài Gửi Người Dưới Mộ, thi sĩ Đinh Hùng sáng tác:

Trời cuối thu rồi – Em ở đâu
Nằm trong đất lạnh chắc em sầu?
Thu ơi! đánh thức hồn ma dậy
Ta muốn vào thăm đáy mộ sâu

Em mộng về đâu?
Em mất về đâu?
Hàng đêm ta nguyện, ta cầu
Ấy màu hương khói là màu mắt xưa

Em đã về chưa?
Em sắp về chưa?
Trăng sao tắt, ngọn đèn mờ
Ta nắm nhỏ lệ, đọc thơ gọi hồn...

Giữa đêm trăng bàng bạc, nghe Bà ngâm nga thánh thót, ai ai cũng đều rung mình tưởng chừng như hồn lạc vào cõi âm.

Hồ Điệp có khuôn mặt hiền dịu phúc hậu, nụ cười luôn nở trên môi khiến nhiều người thương mến.

– Nhà Thơ Nguyễn Phan Cảnh ví von Bà là Nữ Hoàng Thanh Sắc:

Thanh Sắc vọng mãi Đất Trời
Ngàn thu cánh bướm vỗ hoài hồn thơ.

Với tài năng ít ai sánh bằng, Bà được mời trình diễn ngâm thơ ở nhiều nước: Pháp, Thụy Sĩ, Thái Lan, Nhật, Đài Loan. Khán giả Việt Kiều tha hương nhớ nhà nhớ nước lắng nghe Hồ Điệp mà lòng thổn thức nức nở theo giọng ngâm sâu mộng bi ai.

– Bích Huyền của Đài VOA kể lại trong bài “Một Thoáng Hương Xưa”: vào năm 1961 tại cuộc họp văn nghệ sĩ với sự tham dự của Vũ Hoàng Chương, Hồ Điệp, Nhà Văn Mặc Thu (tác giả Gang Thép Đợi Chờ, Bát Cơm Bát Máu) và nhiều người khác. Vũ Quân đã làm hai câu thơ tặng Mặc Thu, Hồ Điệp:

Mưa cầm, gió bắc thương Hồ Điệp
Thép đợi, gang chờ, xót Mặc Thu

– Nhà Thơ Hoàng Hương Trang cho biết Ca Sĩ Thái Hằng (chị em bạn dì với Hồ Điệp) tiết lộ lúc còn nhỏ, Hồ Điệp là cô bé rất xinh đẹp với giọng cười trong như dòng suối tinh khiết, ngày đó chưa u uẩn và chưa biết buồn viển vút. Khi vào Saigon, Hồ Điệp hay ra quét lá cây trứng cá rụng đầy sân. Cô thường mặc quần satin tuyết nhưng, áo phin

trắng nõn, gấu và cổ tay có thêu rua. Buổi tối đi hát, Cô đeo kiềng vàng, mặc áo nhung đen rưng rức trơn một màu, không thêu, không vẽ. Choàng tấm khăn voan mỏng, chân mang hài cong. Trang điểm sơ sài, tóc bới cao hay quấn khăn vành dây. Cử chỉ cực kỳ khiêm cung, nhỏ nhẹ, với nét đẹp cổ kính của thực nữ Bắc Hà.

– Tác giả Phạm Công Luận “Saigon – Chuyện Đời của Phố: Chương Trình Ngâm Thơ Tao Đàn” cho biết Hồ Điệp có giọng ngâm mang phong cách cổ điển, âm hưởng ca trù, thành công với các bài thất ngôn và lục bát, nhất là các đoạn trong Truyện Kiều, Chiêu Hồn Thập Loại Chúng Sinh của Thi Hào Nguyễn Du, thơ Bà Huyện Thanh Quan, [T.T.KH](#) rất được thính giả ưa thích.

– Chu Văn Lễ nhận định: giọng ngâm Hồ Điệp chắc chắn đã đóng góp phần không nhỏ cho sự phát triển của bộ môn này và trở thành một phần không thể thiếu trong sinh hoạt văn hóa nghệ thuật miền Nam.

Sau 1975, Hồ Điệp từ chối trình diễn, chỉ nhận lời ngâm thơ tại các Chùa hay nhà bạn hữu.

– Bích Huyền mời chúng ta cùng nghe Trần Vĩnh Tường, cựu nữ sinh Trưng Vương viết về Hồ Điệp với bài “Cánh Bướm Bên Trời”:

“...Năm 1987, tôi ở trại tị nạn Sin Thai dành cho người vượt biên đường bộ nằm lẻ loi giữa chân ngọn núi Danreck, thuộc địa phận Thái Lan, cách biên giới Căm Bốt chừng 1 km. Lúc đó tôi đang làm việc cho cơ quan Hồng Thập Tự Quốc Tế, lo chuyện tiếp đón, theo dấu người tị nạn, tìm cách đưa họ rải rác từ những cánh rừng về trại.

Hôm đó chúng tôi nhận được lá thư từ Mỹ gửi qua nhờ theo dõi tin tức người thân đã rời Saigon khoảng đầu 1988. Thư cho biết nhóm gồm 11 người trong đó có Hồ Điệp. Đọc xong lòng tôi nghẹn ngào. Phần vì lo, phần vì mừng. Đã có người đến được trại, và có những bước chân thì vĩnh viễn ngừng lại ở đâu đó, giữa cánh đồng, nơi khe núi, bên cạnh bụi tre rừng...

Tôi báo tin cho một số bạn trong trại. Đêm đó ngồi bên nhau, chúng tôi say sưa nhắc lại những bài thơ, những giọng ngâm của Tao Đàn ngày trước.

Ngoài Hồ Điệp, Giáng Hương, Hoàng Oanh, còn những giọng nam như Tô Kiều Ngân, Quách Đàm, Hoàng Thư.

Con Giáo Sư Nguyễn Sĩ Tế là Nguyễn Sĩ Độ mang ghi ta đệm nhẹ vài dòng nhạc cho Thu Hà cất tiếng ngâm Gởi Người Dưới Mộ mà Hồ Điệp từng ngâm trên Đài Saigon.

Bài thơ hay quá đỗi, quá liêu trai, phù hợp với ánh trăng xanh nhạc rải trên mái tranh, trên từng đám lá mỏng tơ. Tôi quay lại nhìn rặng núi tím thắm đằng kia để lén lau nước mắt...

Ngày qua ngày, mỗi khi có người tị nạn đến trại, chúng tôi đều hỏi thăm tin tức. Thế nhưng thời gian qua đi, cánh bướm vẫn biến biệt bên trời. Không ai có thể ở trong rừng 6 tháng mà sống sót được.

Buổi tối cuối cùng, tôi lên trại Panat để đi Mỹ, bụi ngùi giây phút chia ly. Mọi người yêu cầu Thu Hà ngâm lại bài Gởi Người Dưới Mộ.

Bỗng dựng một cánh bướm lẻ loi bay chập chờn trước mặt. Hết đậu trên phím ghi ta lại nằm yên trên tay Thu Hà. Mọi người rùng mình ớn lạnh nhìn nhau. Hay là Hồ Điệp cảm động mỗi tình chung của thánh giả mà bay về báo mộng?

Qua Mỹ nhiều năm. Đọc báo không thấy tin gì về Hồ Điệp cả. Thôi... thôi! Vậy là mây đã tan. Trăng đã khuyết. Ngọc đã về thật rồi..."

Hoàng Hương Trang cho biết di ảnh Hồ Điệp được một thánh giả thần tượng giọng ngâm của Bà đem thờ trong chùa An Lạc, đường Phạm Ngũ Lão, Saigon.

– Còn NgườiVietBoston đưa tin các con của Hồ Điệp định cư tại Mỹ. Tiến Sĩ Nguyễn Quốc Quân về Việt Nam năm 2007 tổ chức cuộc vận động phong trào dân chủ trong nước và bị bắt giam 6 tháng.

7. Minh Kỳ (1930–1975)

Dòng dõi Hoàng tộc. Vai vế ngang hàng Vua Bảo Đại. Đại Úy Cảnh sát Quốc gia. Sáng tác hơn 100 nhạc phẩm được ưa chuộng.

Là một trong ba thành viên Nhóm Lê Minh Bằng (Lê Dinh, Minh Kỳ, Anh Bằng), hoạt động từ 1966 đến 1975 với chừng 200 ca khúc trữ tình lãng mạn.

Lê Dinh tâm sự: tuổi tác chúng tôi, khuynh hướng sáng tác cũng gần giống nhau cho nên dễ kết thân, đi đến thành lập nhóm, mở lớp nhạc và làm cố vấn cho hãng đĩa Sóng Nhạc của Ông Nguyễn Tất Oanh. 3 người ở 3 miền mà tương đắc, gắn bó, tri âm, tri kỷ, vui vẻ, hòa thuận suốt gần 10 năm. Lê Dinh cho là “hữu duyên thiên lý năng tương ngộ”.

Chỉ nghe qua câu chuyện 3 cô gái sinh viên Đại Học Khoa Học (Mai, Bích, Dung) trong buổi duyên kỳ ngộ gặp gỡ Lê Minh Bằng tại bãi biển Vũng Tàu là đủ thán phục tài năng của Nhóm này khi ngay sau đó họ cảm tác Linh Hồn Tượng Đá:

Trên dốc đá tôi tình cờ quen nàng
Ngồi bên nhau, gọi tên nhau để rồi xa nhau
Em đã đến và đã đến như áng mây
Như cánh chim bay qua bầu trời
Ôi hình hài một vài giờ vui...

Tôi đứng đó như hình một pho tượng
Chờ ai đây, đợi ai đây và tìm ai đây
Nghe nuối tiếc gào thét giữa muôn sóng khơi
Nghe trái tim rung lên bồi hồi
Chắc gì gặp lại lần thứ hai...

– Lê Dinh nhận xét: Minh Kỳ làm nhạc xuất sắc, nhanh và hay. Các tác phẩm cho ra đời đều rất tuyệt vời và chạm đến nỗi lòng của người nghe.

– Danh Ca Hoàng Oanh khen ngợi nhạc Minh Kỳ tha thiết, trù mền. Giai điệu đơn giản, uyển chuyển, dễ đàn, dễ hát. Nét nhạc trong sáng, bình dị.

– Ca Sĩ Thái Châu cảm thấy may mắn khi được tiếp xúc nhiều lần với Minh Kỳ. “Tôi từng gặp Anh trao đổi về ca khúc Cát Bụi và học hát bài này sao cho cảm xúc... Tôi coi Anh như người Thầy và nhớ mãi khoảnh khắc Anh trầm ngâm động viên ‘chú ráng hát

cho hay, cho tốt'. Nhờ Anh mà tôi học được rất nhiều kỹ năng trong ca hát lẫn cuộc sống”.

– Ca Sĩ Quỳnh Giao: “nét tài hoa của Minh Kỳ không chỉ ở những tác phẩm ông viết cho mình mà là sự đáp ứng thị hiếu của mọi tầng lớp quần chúng. Cuối thập niên 1960 chiến tranh lan rộng, gái quê vào thành thị tìm việc làm, thanh niên giả từ học đường thi hành quân dịch... Thính giả bấy giờ muốn nghe và hát những bài có lời giản dị, nét nhạc dễ nghe dễ hát, tiết điệu nhịp nhàng... dễ đếm! Đây là thời kỳ những bài nhịp Bolero ra đời.

Minh Kỳ đáp ứng ngay với Biệt Kinh Kỳ:

Bạn ơi! quan hà xin cạn chén ly bồi
Ngày mai tôi đã, đã đi xa rồi...
Rồi đây, mai ngày ai hỏi đến tên tôi
Bạn ơi! hãy nói khoác chiến y rồi...

Có lẽ chưa bao giờ một bài hát lại ăn khách tới mức đó. Hàng tuần, trên làn sóng điện khi trực tiếp truyền thanh buổi thi hát mỗi sáng Chủ Nhật tại rạp Quốc Thanh, có ít nhất 3 thí sinh chọn Biệt Kinh Kỳ để thi. Nhạc Sĩ Dương Thiệu Tước đi chấm thi, tuần nào về cũng than là nghe bài này nhiều quá đến phát thuộc lòng!

Cái lạ là nhạc Minh Kỳ vẫn uyển chuyển dù viết thể loại nào. Câu cú rất có hệ thống và tài tình, nhất là lời ca đầy tính cách “kể chuyện” thật hấp dẫn”.

– Nhà Văn Phạm Tín An Ninh kể về “Cái Chết Oan Khuất của Nhạc Sĩ Minh Kỳ”:

“Tôi và Minh Kỳ ở tù trại An Dưỡng Biên Hòa. Anh nhà 3, tôi nhà 1. Một đêm cuối tháng 8.75, khoảng 9:30 tối, toàn trại đang chìm trong bóng đêm, cả ngàn tù nhân nằm thao thức, chờ đợi những bất trắc sẽ đến với số phận mình. Bỗng một tiếng nổ long trời, kèm theo những tiếng la thất thanh, còi báo động, loa phóng thanh lệnh cho tất cả “cải tạo viên” nằm yên tại chỗ. Kể nào bước ra khỏi nhà sẽ bị bắn bỏ.

Khi chúng tôi chưa hết hoang mang thì tiếng xích sắt xe tăng T 54 tràn vào trại rít lên từng chập, chia nhau bao vây từng căn nhà. Hàng loạt bộ đội, súng gắn lưới lê, mặt tên nào cũng đờ đờ sát khí tủa vào từng nhà, kéo cơ bằm lên đạn, quát tháo tù nhân đứng ngay tại chỗ, hai tay để trên đầu.

Chúng tôi chịu bất động như vậy cho đến gần 10 giờ trưa thì thấy mấy anh em tù khiêng số người bị thương lên trạm xá.

Hôm sau tất cả tù nhân được đưa lên hội trường và bị “nghiêm khắc” cảnh cáo là “có bọn phản động trong các anh đã giấu giếm vũ khí, mang lựu đạn Mỹ vào để phá hoại thành quả “kách mạng”.

Một số bạn tù kể lại: nhà 3 chứa khoảng 80 tù nhân. Khi ấy tổ của Minh Kỳ đang họp phân công nấu bếp ngày mai, thì quả lựu đạn được quăng vào vách tôn ngay phía sau làm 3 người chết và 8 bị thương. Minh Kỳ bị thương rất nặng ở ngực, bụng và cổ. Anh chết từ từ cho đến lúc tắt thở.

Ai cũng biết là lựu đạn giết chết Minh Kỳ cùng các bạn tù khác là do chính bọn việt cộng quăng từ khu vực ban trực trại phía bên kia hàng rào cách chừng hơn 5 mét”.

Tro cốt Ông được lưu giữ tại nhà hài cốt Giáo Xứ Tân Định.

8. Hồ Đình Phương (1927–1979)

Xuất bản hơn 10 Tập Thơ. 100 nhạc phẩm của hơn 20 nhạc sĩ danh tiếng được Ông viết lời hay phổ từ thơ Ông. Từng làm Phó Tỉnh Trưởng Ninh Thuận sau khi đậu Thủ Khoa Đốc Sự Hành Chánh. Sau 1975 bị tù 2 năm rồi vượt biên cùng vợ con và mất tích trên Biển Đông năm 1979.

– Ca Sĩ Quỳnh Giao không ngần ngại chút nào khi nói rằng chưa ai qua mặt Hồ Đình Phương trong lời từ về một địa danh, một thành phố. “Nhớ về Da lat” (Hoàng Trọng) hay “Nhớ Nha Trang” (Minh Kỳ) đều do Hồ Đình Phương đặt lời làm người nghe thấy yêu những thành phố này biết dường nào.

– Du Tử Lê thống kê trong khoảng 200 ca khúc Hoàng Trọng để lại cho đời, người ta đếm được trên dưới 50 bài do Hồ Đình Phương đặt lời hay lấy từ thơ Ông.

Một bài hát nổi tiếng được rất nhiều người thuộc nằm lòng là Con Đường Xưa Em Đi, sáng tác chung của đôi bạn tâm giao Châu Kỳ và Hồ Đình Phương.

– Theo Phù Sa (“Con Đường Xưa Em Đi – Chuyện Tình của Nhạc Sĩ Châu Kỳ và Bà Kha Thị Đàng, hoainiem.org): “Bà Đàng kể vào khoảng 1967–68, Bà làm kế toán còn Nhà Thơ là Phó Giám Đốc nhà máy giấy Tân Mai, Biên Hòa. Phía sau có con đường nhỏ bằng qua cánh đồng lúa mà Bà thường đi về nhà. Hằng ngày chứng kiến cảnh ngộ đó, Ông đặt lời cho bài hát rồi Châu Kỳ phổ nhạc vào năm 1969”.

Nhờ thi sĩ quá tài hoa và nhập hồn nên ca khúc nghe thanh thoát, dịu dàng, truyền cảm, chan chứa tình yêu. Lời nhạc mà âm điệu như một bài thơ đầy xao xuyến, đánh động tâm hồn người thưởng ngoạn, nên cả nửa thế kỷ rồi vẫn còn được ưa thích.

Thật không ổng phí thì giờ để hồn lắng đọng mà nghe lại bài này:

Con đường xưa em đi
Vàng lên mái tóc thề
Ngõ hồn dăng tái tê
Anh làm thơ vu quy
Khách qua đường lắng nghe
Chuyện tình ta đã ghi

Những mùa trăng vu quy
Vì mưa gió không về
Chiến trường anh bước đi
Có nàng hoen đôi mi
Ngóng theo đường vắng hoe...
Hỏi còn ai cố tri

Em ơi, nhìn gió lên khơi,
Lòng có trông vời
Một người xa cuối trời
Nơi đây phiên gác canh dài
E ấp đôi lời mình còn nhớ thương hoài

Em ơi, màu áo phong sương
Mình ước huy hoàng

Được bàn tay chính nàng
Dâng hoa, dâng hết ân tình
Tình đến bao giờ
Hỏi đường xưa mà nhớ

Con đường xưa em đi
Thời gian có quên gì
Đá mòn kia vẫn ghi
Ghi một đêm trăng thanh
Quán bên đường vắng tanh
Chỉ còn em với anh.

Nhạc êm tai tha thiết như vậy mà từng bị cấm trình diễn. Thử hỏi có đáng tiếc lắm không?

– Nhạc Sĩ/Nhà Phê Bình Âm Nhạc Nguyễn Quang Long đã gửi Zing.vn bài viết bày tỏ quan điểm về việc Cục Nghệ Thuật Biểu Diễn ban hành quyết định vào giữa tháng 3.2017 cấm lưu hành Con Đường Xưa Em Đi và 4 nhạc phẩm khác với lý do bài hát không đúng bản gốc:

Nhạc Sĩ Long cho rằng “đã cấp rồi lại cấm sẽ gây tác dụng ngược”. Trước tiên phải nhìn nhận những ca khúc sáng tác trước 1975 tại miền Nam là một phần tạo nên diện mạo của nền âm nhạc mới Việt Nam thế kỷ 20. Bên cạnh nhạc trẻ và nhạc trữ tình, những nhạc sĩ trong giai đoạn này đã góp phần sáng tạo nên dòng nhạc chúng ta vẫn gọi là Bolero, phù hợp với tâm tư, tình cảm và nhu cầu thẩm mỹ âm nhạc của số đông người Việt.

Đây chính là yếu tố khiến nhiều ca khúc thời kỳ này có sức sống và lan tỏa mạnh mẽ.

Việc Cục cấm hát 5 ca khúc ít nhiều gây bất ngờ trong giới nghệ sĩ và công luận. Sự việc càng trở nên rối khi những lý do được viện dẫn để cấm chưa thực sự khiến công chúng tâm phục. Điều này vô tình tạo nên làn sóng phản ứng và đẩy vụ việc thành tâm điểm dư luận kéo dài qua nhiều tuần.

Trong khi đó, theo tiết lộ của một nhà quản lý báo chí: “chiến trường” ở đây là chiến trường nào khi nói về Con Đường Xưa Em Đi?

Bà Đảng từng chia sẻ: “việc sử dụng từ ‘chiến trường’ hay ‘phiên gác’ là để phù hợp với hoàn cảnh lúc bấy giờ, tác giả chỉ mượn những hình ảnh này để nói thay tâm tư tình cảm nhớ mong về tình yêu đôi lứa”.

Nhạc Sĩ Long nói tiếp: Cần nhìn nhận thẳng thắn việc cấm 5 ca khúc này chỉ là hình thức. Thực chất hiệu quả của việc cấm cũng như không, bởi lẽ những ca khúc ấy đã có đủ thời gian sống trong lòng công chúng.

Ngày 15.4.17 Cục Nghệ Thuật Biểu Diễn thu hồi quyết định cấm 5 ca khúc trên với lý do “chưa đủ cơ sở” để cấm phổ biến.

9. Thục Vũ (1932–1976)

Tên thật Vũ Văn Sâm. Trung Tá ngành Tâm Lý Chiến. Từ 1969 đến 1975 tiếp nối Đinh Hùng và Tô Kiều Ngân đảm trách Thi Văn Tao Đàn rồi đổi tên là Thi Nhạc Giao Duyên, phối hợp ngâm thơ với trình bày ca khúc tân nhạc.

Thời gian làm việc ở Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung, Ông cho ra đời bản hùng ca “Quang Trung Hành Khúc” được tân binh thường xuyên hát vang trong những ngày ra thao trường tập luyện.

Năm 1975 bị giam trại Tân Hiệp, Biên Hòa, Ông sáng tác bài “Suối Máu” với mấy dòng thơ cảm đề:

Em ở Saigon anh ở đây
Đồi pha cát trắng kềm gai đây
Ngần ngơ dăm chuyến tàu xuôi ngược
Để nhớ nhung về che khuất mây

1976 chuyển ra trại tù Sơn La rồi mất tại vùng rừng thiêng nước độc này.

Một số bạn tù kể lại những ngày tù tội của Ông:

– Nhà Văn Văn Quang (Mừng Cho Người Chết trong Nhà Tù “Cải Tạo”): Thục Vũ đau gan đến vàng mắt nhưng bệnh xá chỉ nhỏ cho vài giọt nước củ tỏi vào mũi. Bệnh nhân đành chịu nằm chờ chết. Một buổi sáng Phan Lạc Phúc nước mắt chảy chậm trên mặt nghẹn ngào cất tiếng: Thằng Sâm chết ở bệnh xá đêm qua rồi.

Tôi lặng người bởi mới hôm trước lên sang thăm Thục Vũ, anh đưa cho tôi hai gói thuốc Lào nhỏ: “Tôi mệt không hút được nữa”.

Sau đó, Tô Kiều Ngân nói với tôi lời an ủi: “Mừng cho nó, từ nay nó không còn biết đói rét và không ai hành hạ được nó nữa”.

Buổi chiều chạng vạng nơi núi đồi Sơn La, từ bệnh xá theo con đường đá nhỏ, vòng theo sườn núi cao vút chập chùng, đám tang di chuyển chậm chạp trông thật đau lòng. Hai cai tù vác AK đi đầu, theo sau một anh tù cầm vài nén nhang, bốn người khiêng cỗ quan tài mộc, sau cùng là hai cai tù súng AK. Họ chuyển động như những bóng ma.

Hơn 30 tù nhân đội rau đứng ngẩn ngơ dán mắt theo đám ma thê thảm ấy. Phan Lạc Phúc đứng bên tôi không nói lời nào, quay mặt che giấu nước mắt. Tô Kiều Ngân và mấy bác sĩ trẻ tù nhân nép sau hàng rào kềm gai cũng xúc động xót xa trông như những tượng gỗ dỗi theo đám tang dần khuất vào con đường cong phía chân núi.

Một tháng trước khi mất, Thục Vũ có viết bài “Gởi Saigon”:

Viết bài thơ sau cuối
Ý nhạc tàn theo mây
Hồn anh về bên Chúa
Xác anh gởi phương này

– Nhà Thơ Hoàng Ngọc Liên kể lại: sáng 15.11.1976 lúc đang phát quang con đường trước trại giam thì “đám tang” Thục Vũ đi qua. Chúng tôi ngả nón cúi đầu chào người bạn vừa đột ngột từ trần. Vài tháng sau trên đường gánh tranh về trại, tôi bất ngờ lạc vào nơi Thục Vũ yên nghỉ. Đó là góc đồi Ban, xã Mường Thái, với chừng mười năm đất mới. Năm 1988 tôi được thả về Saigon có nghe Chị Lệ Khánh đã lặn lội ra tận đây đem cốt chôn vào Nam.

– Nhà Thơ Huy Trâm viết: Dù bị tù tội, Thục Vũ cũng hay say sưa hát. Huy Trâm thuật lại lời Phan Lạc Phúc: một hôm mưa tầm tã, cả đội lo hứng nước thì phải chạy trú tạm dưới mái tranh, nhưng Thục Vũ trên vai còn vác bó nữa vẫn đứng hát giữa trời. Mưa xối xả ướt cả quần áo, anh vẫn phó mặc. Ta cứ hát. Phúc mới nói to: Thôi đi Vũ ơi! Rồi ốm bệnh cho mà xem. Thục Vũ vẫn nghe ngao hát xong bài mới vào hàng trú mưa. Hát cho quên sầu quên nhớ... và cũng là lần chót cuối đời. Một tuần sau anh mất.

Thục Vũ đã có vợ nhưng duyên số đưa đẩy Ông yêu thương Nhà Thơ Lệ Khánh. Họ có với nhau một bé trai. Điều đáng nể là Bà Thục Vũ không ghen tuông ồn ào mà lại đích thân vô bệnh viện thăm viếng chăm sóc cho người tình của chồng sinh đứa con đầu.

Vào những năm 1964–1966, thi đàn miền Nam đột nhiên xuất hiện Nhà Thơ nữ gây xôn xao dư luận với 5 Tập Thơ “Em Là Gái Trời Bất Xấu” do Nhà Sách Khai Trí xuất bản lúc Thi Nhân mới chừng 20 tuổi.

Lệ Khánh yêu Thục Vũ với những vần thơ diễm tình làm Ông rung động phổ thành bài ca “Tình Người Hậu Tuyên”:

Hôm nay trời vào thu
Dalat lạnh sương mù
Cây khô buồn trút lá
Gió ven hồ bay xa

Mây thu lơ lững trôi
Lòng lộng gió lừng đời
Xin anh đừng giận dỗi
Viết thư về thăm em

Lệ Khánh để lại hàng trăm bài thơ tình da diết. Nơi đây chỉ xin trích nửa bài “Em Là Gái Trời Bất Xấu” như là tiêu biểu cho dòng thơ của Thi Nhân xứ Huế đa đoan sầu mộng.

Chiều Chủ Nhật đợi chờ anh mãi mãi
Sao trễ giờ chò chua xót anh ơi!
Hẹn hò chi, chừ lỡ dở cả rồi
Tình mới chớm đã vội vàng lịm tắt

Tôi yêu anh nhưng hoài hoài thắc mắc
Liệu người ta đáp trả lại hay không
Đến bao giờ giã được xác pháo hồng
Áo cưới đỏ cười vui cô dâu mới

Anh hẹn đúng hai giờ anh sẽ tới
Nhưng sao chừ, trời đã tối... anh đâu?
Mưa hôm nay êm như tiếng mưa ngẫu
Anh lỡ hẹn nên chiều buồn rứa đó

Tôi gục mặt khóc thầm bên cửa sổ
Mà cô đơn, trời hỡi vẫn cô đơn
Nơi xa xôi anh có biết tôi buồn
Anh có biết tôi cười mắt ngấn lệ

Anh lỗi hẹn hay là anh đến trễ

Cho chiều nay đường phố lạnh mưa thu
Và đêm nay thành thị ướt sương mù
Người con gái gục đầu thương mệnh bạc...

10. Dương Hùng Cường (1934–1987)

Trung Úy Không Quân.

Nhà Văn với 3 tác phẩm: Lính Thành Phố, Buồn Vui Phi Trường, Vĩnh Biệt Phượng.

Làm Báo lấy bút hiệu Dê Húc Càng. Nổi lên ở Con Ong ngay từ những số báo đầu với mục Cà Kê Dê Ngỗng, chuyên châm biếm tệ trạng xã hội, tố cáo bê bối của những nhân vật tai to mặt lớn.

– Nhà Văn Nguyễn Thụy Long trước khi trở thành văn sĩ, đã viết: “Tôi yêu thích phóng sự Buồn Vui Phi Trường của Dương Hùng Cường và vẫn hy vọng được tiếp xúc với anh, góp phần vào tờ báo Lý Tưởng của đơn vị”.

Tác giả Loan Mất Nhung từng bị Trung Sĩ Dương Hùng Cường cảnh cáo: “Mày chẳng là gì cả trong quân đội, một hạt cát, thân phận tối đen tao đã trải qua rồi, tao nổi khùng, tao chửi toáng lên, sức mạnh của tao là ngòi bút, tao là văn sĩ mày biết không? Tao chống bất công ở bất cứ đâu”.

Nguyễn Thụy Long cho thấy phẩm cách đáng kính trọng, đáng ngợi ca của Dương Hùng Cường. Ông cho rằng cũng vì tính cương cường chống lại mọi hà hiếp áp bức mà anh Cường dù tốt nghiệp chuyên môn ở Trường Huấn Luyện Không Quân Marrakeck (Pháp) với lon Trung Sĩ. Nhưng suốt Đệ Nhứt và nửa thời gian Đệ Nhị Cộng Hòa, anh vẫn mang Trung Sĩ. Trong khi các bạn đồng khóa, hầu hết đều lên Sĩ Quan.

– Tác giả Hồ Đắc Túc có bài: “Mộ Dương Hùng Cường – Nơi Mộ Phóng Viên Báo Chí ở Normandie Pháp”: Đây là khu vườn tưởng niệm gồm 27 bia đá khắc tên gần 2500 phóng viên khắp thế giới từ năm 1944 đến 2019 đã hy sinh vì sứ mạng đưa tin của họ. Vườn do tổ chức Phóng Viên Không Biên Giới (Reporters Sans Frontieres) thành lập. Dương Hùng Cường có tên trên mộ bia. Cái chết của Ông được viết ‘Died in prison, supposedly of a brain haemorrhage. Arrested by the government in 1975, free sometime between 1978 and 1981 then arrested again in 1984 with many other journalists’.

– Nhà Văn Trần Ngọc Tự cảm tác bài thơ “Rượu Ngày Giỗ Bạn” (chinhhoiuc.blogspot.com/2016/04/ban.html) nhân giỗ đầu Cường:

Chén âm dương vỡ giữa đời
Thoảng quanh men rượu ngỡ người bên mâm
Cuồng say thôi cũng âm thầm
Nhấp môi uống nốt mê làm phù sinh

– Nhà Văn Hồ Nam qua bài “Dương Hùng Cường: Người Viết Văn Hai Sinh Nghề Từ Nghiệp” (100 Khuôn Mặt Văn Nghệ Sĩ, <https://tanmanvanchuong.blogspot.hungcuong-nguoi-viet-van-hai.html>) nêu rõ cuộc đời Cường từ sau 75:

Đi tù đợt đầu về, Cường làm nhiệm vụ “bế con”, “bữa củi”, nấu cơm cho vợ bán “cháo phôi” (dạy học).

Giữa thời kỳ ăn “bo bo” chạy từng bữa, Cường được Trung Úy Không Quân Trần Ngọc Tự báo tin: “sếp” Trần Tam Tiếp ở hải ngoại, nhân danh “Văn Bút Việt Nam” phát động chiến dịch “nhà văn từ ngục tù cộng sản viết, gửi bài ra nước ngoài”, nhuận bút trả bằng những “thùng đồ bộn bạc”.

Cường nói với Tự: “Cường không cần nhuận bút trả bằng thùng đồ, nhưng Cường viết để cho hải ngoại biết cộng sản... cỡ nào”.

Không những viết bài gửi ra hải ngoại, mà Cường còn rủ các nhà văn khác: Doãn Quốc Sỹ, Hoàng Hải Thủy, Lý Thụy Ý cùng viết, hình thành mặt trận “tự do văn hóa” khiến cộng sản... hoảng hốt vội cho công an đàn áp.

Khi bị bắt, Cường hiên ngang nhận: ‘không những viết văn để vạch trần tội ác của chế độ cộng sản Việt Nam, mà còn cổ động anh em cùng viết văn, thơ tố cáo tội ác...’

Thời gian bị tù, Cường vào khu biệt giam dài dài, nhưng không ngán, suốt ngày ca vọng cổ tuồng Võ Đông Sơn – Bạch Thu Hà.

Với giọng ca mùi “rệu”, khiến nhiều nữ tù “vượt biên” say mê, gửi quà thăm nuôi cho Cường lia chia. Càng có quà của các ‘fan’, anh càng phấn khích ca hát. Có đêm tới giờ giới nghiêm vẫn chưa chịu ngủ, cán bộ đe dọa cùm, anh mới chịu ngưng ca.

Đêm cuối đời Cường là đêm mưa to gió lớn, có lúc khu trại giam bị mất điện, nhưng tiếng ca Cường vẫn cứ mùi mẫn cất lên – như anh sinh ra để ca vọng cổ vậy.

Sau đêm hôm đó, tới 8 giờ sáng, quản giáo mở cửa phòng để điễm danh. Một cán bộ gọi số tù của Cường – mãi không có tiếng trả lời – bèn quát lớn, “ngủ đến 8 giờ không chịu dậy, sẽ bị cùm đấy”.

Lời dọa nạt không có hồi đáp, cán bộ đập cửa phòng âm ầm, rồi tức tốc mở cửa, lấy chân đá vào người Cường, “dậy mau, giỡn mặt với quản giáo hơi nhiều rồi đó”.

Bị lãnh 2, 3 “cú” đá khá mạnh, Cường vẫn nằm im không cựa cựa.

“Thằng này “lì” phải cùm thôi”.

“Cán bộ ơi! Ông Nhà Văn trúng gió rồi, mau đưa đi cấp cứu, sao cứ đá hoài vậy. Tù cũng là người, chứ đâu phải...”.

Nghe lời cải tạo viên, quản giáo vội vàng kêu “tù” nhà bếp tới, dựng Cường dậy, đem đi cấp cứu...

“Cán bộ ơi! Ông Nhà Văn ‘ná thờ’ rồi, cấp cứu làm gì nữa”.

“Hôm qua còn ca vọng cổ om sòm, sao ‘ná thờ’ được”.

“Người Ông tím bầm, chắc bị rấn cắn quá”.

Nhà Văn Nhà Báo tài hoa kết thúc thê thảm như vậy đó.

Vì trời mưa gió thổi mạnh, rấn lục từ trên cây đối diện phòng biệt giam rớt xuống, bò vào cắn chết Ông.

– Cô Giáo Ấu Oanh viết bài “Khóc Bạn” (Nam Kỳ Lục Tỉnh Hồi Ký, Google Sites):

Hiền thê Ca Sĩ Khuất Duy Trác kể chuyện bạn học Vũ Hoàng Oanh (Vợ Dương Hùng Cường): “tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm 1964. Sau đó đám cưới với Cường và sinh hạ 6 công chúa.

Năm 1974 Hoàng Oanh tắt bật dạy thêm kiếm tiền giúp Cường in cuốn sách thứ ba: Vĩnh Biệt Phượng. Sách vừa xuất xưởng chưa kịp phân phối thì mất nước. Cường cùng Duy Trác phải vào tù.

Cả hai cô giáo vất vả bán buôn chợ trời, chạy ngược chạy xuôi kiếm tiền nuôi con và thăm chồng.

Một hôm đầu năm 79, Hoàng Oanh ngập ngừng ái ngại tỉ tê với Ấu Oanh: “Ta nói cái này, đừng giựt mình nhé... Ta có bầu”. Tôi nghe mà hoảng hồn.

Hoàng Oanh khai: Hôm Tết rồi đi thăm Ông Cường, họ cho ở lại một đêm... Rồi Oanh khẩn khoản năn nỉ dẫn đi phá thai vừa tròn hai tháng vì sợ không ai tin nổi. Ai đòi cô giáo chồng ở tù mà lại mang bầu. Ai tin. Bà con, bạn bè, nhà trường... họ sẽ bêu riếu bôi tro trát trấu lên đầu “vợ thằng ngụy”.

Tôi đem chuyện kể lại Mẹ. Với kinh nghiệm dày dặn, Bà Cụ bình tĩnh tính toán kỹ rồi khẳng định Hoàng Oanh sẽ sinh con trai. Nhờ vậy mà bạn từ bỏ ý định phá thai. Quả thật chính xác, Oanh sinh trai đặt tên Phụng Hoàng (thờ phụng màu vàng).

Rồi Cường liên lạc được với Nhà Văn Trần Tam Tiệp. Anh Tiệp gởi nhiều thùng quà về giúp văn nghệ sĩ còn kẹt lại. Việc này dẫn tới hậu quả là đợt bắt giam những tên “Biệt Kích Cầm Bút” vào tù năm 1984. Ba năm sau Cường mất tại trại Phan Đăng Lưu. Hoàng Oanh đau đớn vật vã than khóc như cảnh ngộ thiếu phụ năm xưa “Đi Nhận Xác Chồng” của Lê Thị Ý:

Mùi hương cứ tưởng hơi chồng
Ôm mờ cứ tưởng ôm vòng người yêu

Tới 1989, Hoàng Oanh từ già cõi đời sau tai nạn xe cộ, bỏ lại đàn con 6 đứa bơ vơ”./-

Phạm Văn Duyệt

Nguồn: <https://groups.google.com/d/msgid/tieng-quehuong/3FC74EB5-BC23-46A4-AA11-E34D9867DF8D%40gmail.com>.

www.vietnamvanhien.org



VIỆT NAM VĂN HIẾN

www.vietnamvanhien.info



TỦ SÁCH VIỆT NAM VĂN HIẾN ON LINE VỚI HƠN 10200 TÁC PHẨM